

Số: 41/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông;

Xét Báo cáo số 746/BC-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Báo cáo số 808/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 tiếp thu, giải trình các nội dung liên quan Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đạt cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 23/10/2020 của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025. Huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế; tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển kinh tế - xã hội; quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kế hoạch đầu tư công, các Chương trình mục tiêu quốc gia; thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Tăng cường công tác quản lý, khai thác, vận hành và sử dụng tài sản công, đất công... nhằm phát huy hiệu quả công năng sử dụng, tránh gây lãng phí theo đúng tinh thần Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị. Chú trọng công tác giải cách hành chính, bảo đảm an sinh xã hội,

plh

giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Giữ vững quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Điều 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Tăng trưởng GRDP đạt khoảng 6,84%, GRDP bình quân đầu người đạt 82 triệu đồng.

(2) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội là 25.000 tỷ đồng.

(3) Thu ngân sách nhà nước là 3.350 tỷ đồng.

(4) Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung đạt 74%; tỷ lệ đô thị hóa đạt 27%; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện 99%; tỷ lệ đảm bảo nước tưới cho diện tích cần tưới đạt 85%.

(5) Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 18.400 lượt người; đào tạo nghề cho 4.000 người; 16% người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

(6) Giảm nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021 - 2025): Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 1% trở lên, riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 2% trở lên.

(7) Y tế: Đạt 21 giường bệnh/vạn dân; đạt 8,9 bác sĩ/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%.

(8) Giáo dục: Tăng thêm 10 trường đạt chuẩn quốc gia.

(9) Văn hóa: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, phường, thị trấn văn minh đô thị đạt 63,38%. Gia đình được công nhận gia đình văn hóa đạt tỷ lệ 88%; thôn, bon, buôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt 86,5%; cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu cơ quan, đơn vị đạt văn hoá, đạt 94,5%.

(10) Môi trường: Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; trồng rừng 1.654 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 40%.

(11) Nông thôn mới: Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt 17,2 tiêu chí trở lên; Tăng thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(Chi tiết như phụ lục kèm theo)

Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản tán thành với các nhiệm vụ, giải pháp Ủy ban nhân dân tỉnh tại báo cáo số 476/BC-UBND, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm

phh

2025 và Kế hoạch 5 năm 2021-2025; kịp thời triển khai các chính sách của Trung ương đảm bảo phù hợp với tình hình của địa phương. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý và thực thi công vụ. Phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; tránh tư tưởng né tránh đùn đẩy trách nhiệm. Nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện đến kết quả cuối cùng các nhiệm vụ được giao. Phát huy sức mạnh và khơi dậy tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển của hệ thống chính trị và nhân dân trong tỉnh.

2. Tiếp tục kiến nghị các Bộ, ngành, Trung ương quan tâm, kịp thời tháo gỡ vướng mắc liên quan quy hoạch đô thị; bảo đảm nguồn vật liệu san lấp cho các công trình hạ tầng, nhất là các công trình trọng điểm đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư công, tạo đột phá trong công tác thu hút đầu tư. Khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để có cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

3. Về lĩnh vực kinh tế, ngân sách

- Phân đấu hoàn thành dự toán thu năm 2025 ở mức cao nhất để bảo đảm nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; thực hiện nghiêm Đề án “Tăng cường công tác chống thất thu ngân sách giai đoạn 2023 - 2025”. Triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được duyệt. Tăng cường trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị dự toán, chủ tài khoản và chính quyền các cấp trong việc sử dụng ngân sách nhà nước; thực hiện có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng và công khai, minh bạch tài chính - ngân sách. Tập trung ưu tiên nguồn lực cho chi đầu tư phát triển.

- Quyết tâm hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các công trình lớn của tỉnh như: Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa; Bệnh viện đa khoa tỉnh; đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê. Chủ động phối hợp tháo gỡ vướng mắc khó khăn đối với các dự án đầu tư. Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và tỉnh Bình Phước để triển khai kịp thời Dự án đường cao tốc đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước); phối hợp với các địa phương trong vùng và liên vùng để triển khai các dự án trọng điểm, như: (1) Hành lang kinh tế theo tuyến Cao tốc Bắc - Nam phía tây (Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước) và đường Hồ Chí Minh; (2) Hành lang Bu prăng - Gia Nghĩa - Bảo Lộc - Bình Thuận - Ninh Thuận theo Quy hoạch vùng Tây Nguyên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Hỗ trợ tích cực các nhà đầu tư nghiên cứu, đầu tư các dự án điện, năng lượng tái tạo theo Quy hoạch được duyệt, tháo gỡ những vướng mắc liên quan đến các dự án điện gió đã được đầu tư trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy nhanh lựa chọn nhà đầu tư các dự án khai thác bô xít, sản xuất alumin; phát triển thị trường nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 31- KL/TW ngày 07/3/2022 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển ngành công nghiệp bô xít - alumin - nhôm giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 333/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc ổn định sản xuất của Nhà máy alumin Nhân Cơ; đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Nhân Cơ 2; sớm đưa nhà máy điện phân nhôm đi vào hoạt động đạt công suất thiết kế giai đoạn I.

- Khắc phục, sửa chữa kịp thời các công trình giao thông, thủy lợi sạt, trượt từ các năm trước, như: Đường Quốc lộ 14, Khu công nghiệp Nhân Cơ, đường giao thông đi xuống Thác Liêng Nung, Hồ Đắc N'TING; trạm bơm ở xã Năm N'đir, Trạm bơm 1A, xã Đắc Rền huyện Krông Nô... Có giải pháp đẩy nhanh tiến độ đối với các dự án đầu tư ngoài ngân sách đã kéo dài nhiều năm tránh gây lãng phí, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

- Trong quý I năm 2025 trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đăk Nông và ban hành chính sách hỗ trợ báo in theo quy định của Luật giá và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Về phát triển nông nghiệp và nông thôn: Thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, bền vững, sinh thái; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, tiêu chuẩn, chất lượng nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa, tập trung gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nhất là đối với cây trồng tỉnh có lợi thế cạnh tranh cao. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa, các phương án đảm bảo tưới cho mùa khô; các biện pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát an toàn thiên tai, kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả nhằm giảm nhẹ thiệt hại. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng; kiên quyết xử lý nghiêm các vụ việc phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép. Xử lý dứt điểm về thanh lý các hợp đồng giao khoán, hợp đồng liên doanh liên kết theo Nghị định 135 của Chính phủ và hoàn thành trong năm 2025. Khẩn trương hoàn tất thủ tục giải thể các công ty lâm nghiệp theo quy định. Tổng kết đánh giá các Nghị quyết tái cơ cấu ngành nông nghiệp

và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để xây dựng Chương trình cho giai đoạn tới.

Tập trung rà soát kỹ các công trình nước sinh hoạt tập trung nông thôn để có phương án xử lý kịp thời đối với những công trình đang bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng; bố trí kinh phí kịp thời để nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các công trình mà người dân có nhu cầu sử dụng nước, đồng thời có phương án quản lý, vận hành chặt chẽ, phát huy hiệu quả các công trình, tránh lãng phí nguồn lực đầu tư. Khẩn trương ban hành giá nước sạch sinh hoạt nông thôn và trình HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ giá nước sạch theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính.

5. Về phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch: Phát triển mạnh thị trường nội tỉnh và đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại góp phần tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp; kết nối hỗ trợ đưa các sản phẩm OCOP, nông nghiệp chủ lực tiếp cận thị trường trong và ngoài nước, kết nối lên các sàn thương mại điện tử. Thực hiện tốt quy hoạch và tổ chức sản xuất phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Phát triển du lịch bền vững, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm gắn với sinh thái, cộng đồng và bảo vệ môi trường, tạo ra các sản phẩm du lịch mới, đặc thù, mang đậm bản sắc riêng của tỉnh Đắk Nông. Tập trung triển khai các Đề án: Phát triển du lịch của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025.

6. Về phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; khuyến khích người dân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí. Tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm đối với các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; nâng cao chất lượng, thái độ phục vụ và giải quyết thủ tục hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư đối với đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh. Chủ động nắm bắt và kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả, hình thức hoạt động các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã. Sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, các công ty nông lâm nghiệp nhằm phát huy hiệu quả nguồn vốn, nguồn lực về đất đai, rừng, tài nguyên và tài sản nhà nước đã đầu tư.

7. Về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường:

Tổ chức triển khai thi hành hiệu quả Luật đất đai số 31/2024/QH15 và các văn bản thi hành Luật; trong đó, đảm bảo ban hành đầy đủ các văn bản quy định

chi tiết thi hành Luật Đất đai theo thẩm quyền của địa phương và tổ chức triển khai hiệu quả, đúng quy định. Tăng cường công tác phát triển quỹ đất, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư. Thực hiện tốt quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý đô thị, chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo đúng quy hoạch; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Giải quyết có hiệu quả đất ở, đất sản xuất cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, tránh tình trạng để lãng phí tài nguyên đất, tranh chấp, lấn chiếm, vi phạm pháp luật, sử dụng đất không hiệu quả; xử lý các vụ khiếu kiện, tranh chấp đất đai đang tồn đọng.

Quản lý và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp và khu vực nông thôn. Chỉ đạo các ngành phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xác định phạm vi, cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước để phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước, đặc biệt là các công trình lấy nước phục vụ sinh hoạt.

8. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao: Tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; chú trọng xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, xây dựng gia đình, thôn, buôn, bon, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn, cơ quan công sở văn hóa. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vì sự phát triển bền vững, gắn với phát triển kinh tế, du lịch. Triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia và Dự án “Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch”. Tổ chức rà soát lại việc đầu tư xây dựng các công trình phải gắn với công tác quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Chỉ đạo UBND các cấp bố trí đảm bảo nguồn kinh phí cho hoạt động thể dục, thể thao nhằm thúc đẩy phong trào thể thao các cấp.

9. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo: Tập trung đổi mới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; cân đối, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ, tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng giáo dục, trong đó chú trọng đối với các cơ sở giáo dục có kế hoạch xây dựng và công nhận đạt chuẩn quốc gia theo chỉ tiêu đề ra; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân. Xây dựng kế hoạch, lộ trình nhằm giải quyết căn cơ tình trạng quá tải học sinh ở một số địa phương gây áp lực rất lớn đối với ngành giáo dục; tình trạng thiếu giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị ở các cấp học và thiếu tiêu chí tại các trường chuẩn để duy trì và phát triển số trường đạt chuẩn quốc gia đảm bảo chất lượng, bền vững trong thời gian tới.

10. Công tác giảm nghèo, dân tộc, tôn giáo: Triển khai hiệu quả các giải pháp bảo đảm mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững; triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Chương trình MTQG phát triển KTXH dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo nhằm cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng khó khăn. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo.

11. Về công tác giải quyết việc làm: Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề cho các Trường, Trung tâm có chức năng đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt chính sách cho người lao động, chú trọng giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Liên kết, hợp tác để đào tạo nhân lực trình độ cao, các ngành nghề tinh ưu tiên phát triển như công nghiệp alumin-nhôm, công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, chuyên đổi số, y tế...; thực hiện có hiệu quả các dự án vay vốn giải quyết việc làm, chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người dân.

12. Về y tế: Phát triển mạng lưới cơ sở y tế đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe toàn dân. Tổ chức mua sắm, cung ứng kịp thời nhu cầu sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư tại các cơ sở Y tế theo quy định hiện hành. Nâng cao năng lực dự báo, giám sát và phát hiện khống chế kịp thời các dịch bệnh; hoàn thành các dự án thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở, bảo đảm mọi người dân dễ dàng tiếp cận với các gói dịch vụ y tế cơ bản, giảm tỷ lệ người bệnh chuyển tuyến lên cơ sở y tế tuyến trên; phấn đấu hoàn thành Dự án nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh và đưa vào sử dụng, bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ; triển khai có hiệu quả Đề án phát triển Bệnh viện đa khoa tỉnh Đăk Nông lên hạng I quy mô 700 giường bệnh. Nâng cao tỷ lệ bao phủ, hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

13. Công tác cải cách hành chính, quốc phòng - an ninh và đối ngoại

- Triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính đặc biệt là công tác cải cách thể chế và thủ tục hành chính để khơi thông nguồn lực cho phát triển. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ số hài lòng về phục vụ hành chính. Tiếp tục sắp xếp tinh gọn bộ máy nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước theo sự chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh ủy.

- Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, khu vực phòng thủ các cấp vững chắc. Giữ vững an ninh chính trị, ổn định xã hội, không để xảy ra “điểm nóng” về an ninh, đặc biệt là trong thời gian diễn ra Đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 – 2030, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội

phạm, nhất là tội phạm về kinh tế, ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phòng, chống cháy, nổ, kéo giảm tai nạn giao thông, tạo môi trường an toàn, thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- UB Kinh tế của Quốc hội;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBND TTQ tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ -SNV;
- Website cơ quan;
- Lưu: VT, CT.HĐND, HC-TC-QT, DN, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2025
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2025	
A	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ			
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (Giá SS2010)	Tỷ đồng	26.365	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Tỷ đồng	10.136	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	5.203	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	10.130	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	896	
	Tốc độ tăng trưởng	%	6,84	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	4,75	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	12,85	
	- Dịch vụ	%	6,47	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	%	2,32	
	2	GRDP (giá hiện hành)	Tỷ đồng	58.350
		<i>Trong đó:</i>		
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản		Tỷ đồng	26.917	
- Công nghiệp và xây dựng		Tỷ đồng	10.103	
- Dịch vụ		Tỷ đồng	19.279	
- Thuế trừ trợ cấp SP		Tỷ đồng	2.051	



TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2025
	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	82
	Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)		100
3	<i>Trong đó:</i>		
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	46,13
	- Công nghiệp và xây dựng	%	17,31
	- Dịch vụ	%	33,04
	- Thuế trừ trợ cấp SP	%	3,51
	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội:		
4	Tổng số vốn	Tỷ đồng	25.000
	Chiếm tỉ trọng GRDP (giá HH)	%	
	Thu - Chi ngân sách:		
5	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	3.350
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	10.899
	Kết cấu - Hạ tầng		
	Giao thông:		
	Tỷ lệ nhựa hóa chung	%	74
	Đô thị, nhà ở		
	Tỷ lệ đô thị hóa	%	27
6	Tỉ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	100
	Bình quân m2 sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân	m2	27,2
	Tỉ lệ thu gom rác thải đô thị	%	100
	Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công từ quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà	5
	Cấp điện:		
	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	99

phk

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2025
	Tỷ lệ bon, buôn có điện	%	100
	Nông nghiệp, thủy lợi:		
	Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới	%	85
	Tỉ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98
	Thương mại, dịch vụ, XNK (theo dõi):		
	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	25.932
	Doanh thu du lịch tăng bình quân hàng năm	%	20
7	Số khách du lịch tăng bình quân hàng năm	%	20
	Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	1.110
	Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	500
	Nông nghiệp (theo dõi):		
8	Giá trị sản xuất bình quân trên/01 ha đất nông nghiệp	Triệu đồng	116
	Diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến (CNC)	Ha	500 (lũy kế 3000 ha)
	Công nghiệp (theo dõi):		
9	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP	%	8
	Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, TTHC (theo dõi):		
10	Chỉ số PCI	Thứ hạng	Tăng thêm 01 bậc so với năm 2024
	Chỉ số PAPI	Thứ hạng	Nhóm Trung bình thấp trở lên

phd

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2025
	Chỉ số PAR Index	Thứ hạng	Nhóm B
B	CHỈ TIÊU VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG		
	Lao động và việc làm:		
	Số lao động được tạo việc làm	Người	18.400
11	Đào tạo nghề	Người	4.000
	Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	16
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	
	Giảm nghèo:		
12	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm từ 1% trở lên
	Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	Giảm từ 2% trở lên
	Dân số		
13	Dân số trung bình	Người	709.000
	Phấn đấu đạt mức sinh (số con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)	Số con/phụ nữ	2,30
	Y tế:		
	Số giường bệnh/vận dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	21
14	Số bác sỹ/vận dân	Bác sỹ	8,9
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	≥95
	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	%	24,5

ph

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2025
	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	≥95
15	Giáo dục:		
	Số trường đạt chuẩn quốc gia hàng năm	Trường	10
16	Văn hóa:		
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị	%	63,38
	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	88
	Tỷ lệ thôn, bon, buôn văn hóa	%	86,5
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa	%	94,5
17	Môi trường:		
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	40
	Trồng rừng	ha	1.654
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn thông thường	%	72
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế, độc hại	%	95
18	Nông thôn mới:		
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	Tăng thêm 2 xã
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	17,2
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	Tăng thêm 2 xã

plh